TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2024
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Rạng Đông;

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tặng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2023 về việc: *"Xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị T**, sinh năm: 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: G M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh **Dương Hoài B**, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã H, thành phố P, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Vào năm 2003 chị và anh Dương Hoài B tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện chung sống vợ chồng, đến ngày 21/7/2003 chị và anh B đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống không hợp nhau, mặc dù đã hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng kết quả không đạt được. Nay chị xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể nào chung sống với nhau được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Hoài B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Thúy V, sinh ngày 28/01/2003, đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Hoài B: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Chị Phan Thị T và anh Dương Hoài B đăng ký kết hôn năm 2003, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ đó, vợ chồng thường hay cự cải nhau, làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nếu có hàn gắn thì mục đích hôn nhân không hạnh phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung, chị T và anh B có 01 người con chung là Dương Thúy V, sinh ngày 28/01/2003. Đã trưởng thành đủ 18 tuổi, nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại thời điểm chị Phan Thị T khởi kiện, bị đơn anh Dương Hoài B có nơi cư trú tại thành phố P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Dương Hoài B, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003 chị Phan Thị T và anh Dương Hoài B tìm hiểu, tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn ngày 21/7/2003 tại UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng chị T, anh B bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc.

Xét thấy, chị T và anh B không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B cũng không có thiện chí tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án để hòa giải đoàn tụ với chị T. nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T ly hôn với anh Dương Hoài B.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Dương Thúy V, sinh ngày 28/01/2003, đã trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm:

Chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T đối với anh Dương Hoài B về việc xin ly hôn.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Dương Hoài B.

[2]. Về con chung: Đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền số 0006539 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị T và anh Dương Hoài B vắng mặt tại phiên Tòa, nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- UBND thị trấn Sông Đốc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Quách Văn Khánh